

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BM  
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2020

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà N T L T.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông L P H;

Bà N T K L.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông C V T S – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa:** Ông N T K – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N T T, sinh năm 1988 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp DT C, xã DT, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh T T T, sinh năm 1990 – Xin vắng;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp DH 1, xã DT, thị xã BM, tỉnh VL.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2020, nguyên đơn chị N T T trình bày: Chị T và anh T do quen biết tìm hiểu rồi tiến đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48, ngày 18/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã DT, thị xã BM, tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T không có con chung, không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời do anh T ăn chơi dẫn đến hành vi trộm cắp tài sản phải đi chấp hành án tù tại trại giam TH thuộc tỉnh LA. Nay chị Tám nhận thấy cuộc sống không thể hàn gắn được, đồng thời chị T và anh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T T T;

- Về con chung: Không có;
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 02/11/2020 của bị đơn anh T T T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T T T đồng ý ly hôn với chị N T T.
- Về con chung: Không có;
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Hiện tại anh T đang chấp hành bản án số 12/2020/HS-ST, ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã BM tại Trại giam TH nên anh T xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải; Xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và anh T cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và không có ý kiến gì thêm.
- Bị đơn xin vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tám.

(1). Về quan hệ hôn nhân: Chị N T T và anh T T T thuận tình ly hôn.

(2). Về con chung: Không có.

(3). Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

(4). Về án phí: Chị N T T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010246, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T T T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh T T T xin vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm nên phiên tòa được tiến hành vào ngày 18/11/2020 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị N T T và anh T T T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện tại giữa chị T và anh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Đồng thời anh T T T cũng đồng ý ly hôn với chị N T T. Do vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị N T T và anh T T T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị N T T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N T T và anh T T T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị N T T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010246,

ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã ĐT: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

**N T L T**